UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ PHÚC TÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai kết quả thu- chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2022 của UBND Xã Phúc Tân

Hôm nay, hồi 9 giờ 30 ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại UBND Xã Phúc Tân gồm có:

1/ Đồng chí: Trần Như Ngọc - Q.Chủ tịch UBND .

2/ Đồng chí: Trần Văn Quốc - Chủ tịch UBMTTQ.

3/ Đồng chí: Nguyễn Văn Toản - Kế toán.

4/ Đồng chí: Nguyễn Xuân Dương - Văn phòng UBND

*/ Nội dung: Niêm yết công khai kết quả thu- chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2022 của UBND Xã Phúc Tân với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Biểu công khai số liệu kết quả thu- chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2022 của UBND Xã Phúc Tân

(Có biểu kèm theo).

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 04/10/2022 đến hết ngày 08/11/2022

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại trụ sở UBND Xã Phúc Tân. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của xã. Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh của xã

Biên bản lập xong hồi 10giờ 30 cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và ký tên dưới đây./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN	**CHỦ TỊCH**
Nguyễn Xuân Dương	**Trần Như Ngọc**

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP

Kế toán	**Chủ tịch UBMTTQ Xã**
Nguyễn Văn Toản	**Trần Văn Quốc**

UBND Xã: Phúc Tân **Biểu số 113/CK TC - NSNN**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**10.125.836.560**	**5.272.131.087**	**52,07**
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	10.000.000	51.573.750	515,74
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	50.500.000	87.519.337	173,31
3	Thu bổ sung	10.065.336.560	5.123.038.000	50,90
	- Bổ sung cân đối ngân sách	*4.893.877.000*	*3.790.000.000*	*77,44*
	- Bổ sung có mục tiêu	*5.171.459.560*	*1.333.038.000*	*25,78*
4	Thu chuyển nguồn		10.000.000	
II	**TỔNG SỐ CHI**	**11.216.866.586**	**4.448.109.695**	**39,66**
1	Chi đầu tư phát triển	4.025.649.586	500.000.000	12,42
2	Chi thường xuyên	7.095.677.000	3.948.109.695	55,64
3	Dự phòng	95.540.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

UBND Xã: Phúc Tân

Biểu số 114/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	**10.259.336.560**	**10.125.836.560**	**5.420.981.602**	**5.272.131.087**	**52,84**	**52,07**
I	**Các khoản thu 100%**	**10.000.000**	**10.000.000**	**51.657.318**	**51.573.750**	**516,57**	**515,74**
1	Phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000	4.551.000	4.551.000	91,02	91,02
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			47.035.769	47.022.750		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	5.000.000	5.000.000	70.549		1,41	
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**184.000.000**	**50.500.000**	**236.286.284**	**87.519.337**	**128,42**	**173,31**
1	Các khoản thu phân chia	68.000.000	50.500.000	231.055.995	83.858.134	339,79	166,06
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30.000.000	30.000.000	16.273.322	16.273.322	54,24	54,24
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	3.000.000	3.000.000	4.500.000	4.500.000	150,00	150,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	35.000.000	10.500.000	210.282.673	63.084.812	600,81	600,81
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	116.000.000		5.230.289	3.661.203	4,51	
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	10.000.000	7.000.000	5.230.289	3.661.203	52,30	52,30
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	106.000.000					
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**10.000.000**	**10.000.000**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**						

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**10.065.336.560**	**10.065.336.560**	**5.123.038.000**	**5.123.038.000**	**50,90**	**50,90**
1	Thu bổ sung cân đối	4.893.877.000	4.893.877.000	3.790.000.000	3.790.000.000	77,44	77,44
2	Thu bổ sung có mục tiêu	5.171.459.560	5.171.459.560	1.333.038.000	1.333.038.000	25,78	25,78

UBND Xã: Phúc Tân

Biểu số 115/CK TC - NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 9 THÁNG NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**11.216.866.586**	**4.029.649.586**	**7.191.217.000**	**4.448.109.695**	**500.000.000**	**3.948.109.695**	**39,66**	**12,42**	54,90
	Trong đó:									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	780.000.000		780.000.000	503.754.482		503.754.482	64,58		64,58
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	64.940.586	64.940.586							
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.960.709.000	3.960.709.000		500.000.000	500.000.000		12,62	12,62	
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6.235.677.000		6.235.677.000	3.408.859.213		3.408.859.213	54,67		54,67
10	Chi cho công tác xã hội	80.000.000		80.000.000	35.496.000		35.496.000	44,37		44,37
11	Chi khác									
12	Dự phòng	95.540.000		95.540.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									